

Số:111/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 29 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 137/2026/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con giữa:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Đặng Thị Q**, sinh năm 1987; căn cước số: 00218700xxxx do **Bộ C1** cấp ngày 07/01/2025; địa chỉ: **thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang**;

- Anh **Đặng Văn C**, sinh năm 1986; căn cước công dân số: 00208600xxxx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - **Bộ C1** cấp ngày 25/6/2021; Địa chỉ: **thôn N, xã T, tỉnh Tuyên Quang**.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 4 - Tuyên Quang. Các thỏa thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hai anh chị **Đặng Thị Q** và **Đặng Văn C** nhất trí thuận tình ly hôn

[2] Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận: Chị **Đặng Thị Q** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Đặng Thị V** sinh ngày 09/10/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Đặng Văn C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu **Đặng Văn T** đã đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết.

Anh, chị được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

[4] Công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị **Đặng Thị Q** tự nguyện chịu án phí cả lệ phí giải quyết yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, biên bản thuận tình ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Hai anh chị **Đặng Thị Q** và **Đặng Văn C** nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai anh chị nhất trí thỏa thuận: Chị **Đặng Thị Q** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Đặng Thị V** sinh ngày 09/10/2009 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh **Đặng Văn C** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cháu **Đặng Văn T** đã đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết.

Anh, chị được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Việc nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung là không cố định.

- Về tài sản chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- Công nợ chung: Anh chị không có, không đề nghị giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị **Đặng Thị Q** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu 0000687 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

### *Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4;
- UBND xã Thanh Thủy, tỉnh Tuyên Quang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

### THẨM PHÁN

**Nguyễn Thị Thúy Yên**